**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN**
**TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

B¶n ¸n sè: 03/2023/HNG§-ST
Ngµy 06-01-2023
*V/v "Tranh chấp*
*Ly hôn và con chung"*

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Vân

**Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Văn Chiến
2. Ông Nguyễn Ngọc Vân

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Trang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Việt Yên.

***- Đại diện VKSND huyện Việt Yên tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Dương Quỳnh- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 295/2022/TLST-HNGĐ ngày 17/10/2022 về "Tranh chấp ly hôn và con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21/12/2022 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** *Chị Chu Thị T, sinh năm 1992 (có đơn xin xét xử vắng mặt)*

*Nơi ĐKHKTT: Thôn Tân Sơn, xã Trung Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.*

*Hiện ở: Thôn Hữu Nghi, xã Ninh Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.*

**** Bị đơn:*** *Anh Đào Văn Đ, sinh năm 1986 (vắng mặt)*

*Nơi cư trú: Thôn Tân Sơn, xã Trung Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.*

## NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 04/10/2022, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Chu Thị T trình bày:*

Chị và anh Đào Văn Đ kết hôn ngày 03/01/2010, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trung Sơn, huyện Việt Yên. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tại thôn Tân Sơn, xã Trung Sơn. Ban đầu vợ chồng chung sống bình thường. Từ khoảng tháng 5/2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không hợp nhau, không còn tình cảm.

Mâu thuẫn vợ chồng gia đình hai bên đều biết và khuyên giải nhiều lần nhưng anh Đ vẫn không cải thiện. Từ khoảng từ tháng 9/2020 vợ chồng ly thân nhau cho đến tháng 11/2021 thì vợ chồng về đoàn tụ vì con cái, từ tháng 3/2022 vợ chồng ly thân nhau cho đến nay không quay về ở với nhau nữa, vợ chồng không còn ai quan tâm chăm sóc đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Đào Gia Hưng, sinh ngày 11/9/2011 và Đào Gia Quân, sinh ngày 29/10/2013. Hiện 02 con chung đang ở với anh Đ. Ly hôn chị để anh Đ nuôi dưỡng 02 con chung, vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung vợ chồng chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện chị đang làm bán hàng tự do tại nhà, có thu nhập trung bình một tháng khoảng 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng. Anh Đ làm thợ nhôm kính, có thu nhập khoảng 12.000.000 đồng/tháng, có nơi ăn chốn ở, đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung và điều kiện để cháu Hưng, cháu Quân phát triển bình thường.

- Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Vợ chồng chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, chị Chu Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Đối với anh Đào Văn Đ là bị đơn trong vụ án mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các giấy tờ nhưng tại các buổi hòa giải, làm việc của Tòa án anh Đ đều vắng mặt không có lý do và Tòa án đã thông báo cho anh Đ về việc các chứng cứ Tòa án đã thu thập có trong vụ án, quyết định yêu cầu cung cấp bản tự khai trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị T và cung cấp các tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án nếu có yêu cầu nhưng anh Đ không có ý kiến gì và không cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho quyền lợi của mình.

Tại phiên tòa hôm nay anh Đào Văn Đ vắng mặt.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị T chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn anh Đ không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình; Điều 28; Điều 35; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Chu Thị T được ly hôn với anh Đào Văn Đ.

Về con chung: Giao cho anh Đào Văn Đ nuôi dưỡng 02 con chung là Đào Gia Hưng, sinh ngày 11/9/2011 và Đào Gia Quân, sinh ngày 29/10/2013.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị T, anh Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Chu Thị T phải chịu 300.000 đồng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa chị T và anh Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Đ có nơi cư trú: Thôn Tân Sơn, xã Trung Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang nên Tòa án nhân dân huyện Việt Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn chị T vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T, anh Đ.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn và giải quyết con chung của nguyên đơn chị Chu Thị T. Hội đồng xét xử thấy:

* Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị T và anh Đ xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trung Sơn, huyện Việt Yên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, chị T và anh Đ có một thời gian chung sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không hợp nhau. Tại biên bản lấy lời khai của chị T, chị xác định mâu thuẫn của hai vợ chồng thì gia đình hai bên đều biết và can thiệp hòa giải nhưng anh Đ không cải thiện. Hai vợ chồng ly thân nhau từ tháng 3/2022 cho đến nay không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau. Tòa án tiến hành giao các văn bản tố tụng cho anh Đ, thông báo hòa giải anh Đ cũng không đến để Tòa án hòa giải về tình cảm vợ chồng.

Tại biên bản làm việc với chính quyền địa phương cũng xác định vợ chồng chị T, anh Đ có mâu thuẫn, hai vợ chồng đã ly thân nhau. Xét mâu thuẫn giữa chị T, anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Chị T xác định vợ chồng có 02 con chung là Đào Gia Hưng, sinh ngày 11/9/2011 và Đào Gia Quân, sinh ngày 29/10/2013. Hiện 02 con chung đang ở với anh Đ. Ly hôn chị đồng ý để cho anh Đ nuôi dưỡng 02 con chung. Hiện anh Đ làm thợ nhôm kính, có thu nhập khoảng 12.000.000

đồng/tháng, có nơi ăn chốn ở, đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung và điều kiện để cháu Hưng, cháu Quân phát triển bình thường.

Tại bản tự khai của cháu Hưng, cháu Quân có nguyện vọng được ở với bố. Theo xác minh tại địa phương anh Đ có thu nhập, các cháu ở với anh Đ được học hành phát triển bình thường. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy anh Đ có thu nhập, có đủ điều kiện để chăm sóc con chung nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T giao cháu Hưng, Quân cho anh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu Hưng, cháu Quân. Sau khi ly hôn, chị Chu Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị T thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

* Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị T trình bày vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

* Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị T xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình;

Điều 28; Điều 35; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Chu Thị T được ly hôn anh Đào Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cho anh Đào Văn Đ nuôi dưỡng 02 con chung là Đào Gia Hưng, sinh ngày 11/9/2011 và Đào Gia Quân, sinh ngày 29/10/2013. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T, anh Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị Chu Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị T thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

3. Án phí: Chị Chu Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0006569 ngày 17/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên. Xác nhận chị Chu Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Chi cục THADS Việt Yên;
- UBND xã Trung Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Vân**